

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 5 năm 2022
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trần Anh Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kim Khánh
2. Bà Quảng Thị Đức Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Trường

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn,
tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số
124/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08
tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ
ngày 27 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1973 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện S, tỉnh N.

- Bị đơn: Ông Nguyễn L, sinh năm 1967 (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L)
(Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện S, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Bà và ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L), sinh ngày 02/8/1967
kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày
14/12/1990 tại UBND xã N, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Bà không biết vì sao tại Giấy đăng ký kết hôn thể hiện tên ông L và
“Nguyễn Văn L”, trong khi các giấy tờ tùy thân khác của ông L như Sổ Hộ khẩu
gia đình, tờ khai chứng minh nhân dân đều thể hiện họ tên của ông L là “Nguyễn
L”.

Trong thời kỳ hôn nhân, giữa bà và ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn
Văn L) chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn,
thường xuyên cãi vã, không cảm thông, chia sẻ với nhau. Bà và ông Nguyễn L
(Tên gọi khác: Nguyễn Văn L) cũng đã ly thân nhiều năm nay. Do đó, bà yêu cầu
ly hôn với ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L).

Về con chung: Bà và ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L) có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1991 và Nguyễn Hồng P, sinh năm 1994. Các con chung hiện nay đều đã trên 18 tuổi, có gia đình riêng và lao động, tự túc được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà đồng ý chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình.

Bị đơn ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng và không gửi bản trình bày ý kiến đến Tòa án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà Lê Thị N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn L (Nguyễn Văn L) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L) không chấp hành và vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Ông Nguyễn L (Nguyễn Văn L).

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn với Ông Nguyễn L (Nguyễn Văn L).

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Các con chung của bà Nhị và ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L) đều đã trên 18 tuổi, lao động tự túc được và bà Nhị cũng không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị N không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét trong vụ án này.

+ Bà Lê Thị Nhị phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về xác định thông tin nhân thân của Bị đơn:

Tại Chứng nhận đăng ký kết hôn số 49, quyển số 02 ngày 14/12/1990 (BL 07) và Sổ đăng ký kết hôn của UBND xã N, huyện Ninh Sơn (BL 13 – 14) đều thể hiện: Ông Nguyễn Văn L, sinh ngày 02/8/1967, Chứng minh nhân dân số 260607256 đăng ký kết hôn với bà Lê Thị N.

Tại Sổ hộ khẩu gia đình ông Nguyễn L cấp năm 1994 (BL 02-04) thể hiện: Ông Nguyễn L, sinh năm 1967, Chứng minh nhân dân số 264026532 có vợ là bà Lê Thị N.

Tại Văn bản số 400/CAH-QLHC ngày 04/4/2022 của Công an huyện Ninh Sơn thể hiện: Ông Nguyễn L, sinh ngày 02/8/1967, đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện S, tỉnh N có số Chứng minh nhân dân cũ là 260607256 và số Chứng minh nhân dân mới là 264026532 (BL 16 – 21).

Từ các tài liệu, chứng cứ trên, đủ cơ sở xác định:

Ông Nguyễn Văn L, sinh ngày 02/8/1967 có Chứng minh nhân dân số 260607256 và ông Nguyễn L, sinh ngày 02/8/1967 có Chứng minh nhân dân mới là 264026532 là cùng 01 người.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp:

Bà Lê Thị N và ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L) có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện S, tỉnh TH (Nay là tỉnh T) theo Giấy Chứng nhận đăng ký kết hôn số 49, quyển số 02 ngày 14/12/1990. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn”.

[1.3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án:

Bị đơn ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L) có nơi cư trú tại xã N, huyện S, tỉnh T. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

[1.4]. Về sự vắng mặt của ông Nguyễn L (Nguyễn Văn L):

Ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L) vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L).

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị N và ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L) có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Ninh Sơn, tỉnh Thuận Hải (Nay là tỉnh Ninh Thuận) theo Giấy Chứng nhận đăng ký kết hôn số 49, quyển số 02 ngày 14/12/1990. Căn cứ Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Nhị và ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L) là hợp pháp.

Xét thấy:

Trong cuộc sống hôn nhân, bà Lê Thị N và ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L) xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân một thời gian dài, phù hợp với nội dung tại Biên bản xác minh ngày 23/3/2022 (BL 22).

Quá trình giải quyết vụ án, ông L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, cụ thể: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L) không đến Tòa án, không gửi bản trình bày ý kiến và vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án. Điều này thể hiện

ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L) đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng và không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà Lê Thị N.

Từ các tài liệu, chứng cứ nói trên, có đủ cơ sở để kết luận:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị N và ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L) đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L (Tên gọi khác: Nguyễn L).

[2.2]. Về con chung: Các con chung của bà Lê Thị N và ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L) đều đã trên 18 tuổi, lao động tự túc được và bà Lê Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[3]. Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nói trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: 3/3.

2. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N, cụ thể:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn với Ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L).

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét trong vụ án này.

2.3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải chịu **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng) án phí, được khấu trừ vào **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003083 ngày 19/11/2021.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, bà Lê Thị N có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Ông Nguyễn L (Tên gọi khác: Nguyễn Văn L) vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- UBND xã N, huyện Ninh Sơn
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trần Anh Khoa